

Số: 3079/QĐ-SCT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu ngân sách nhà nước –
chi ngân sách địa phương năm 2018 của Cơ quan Sở Công Thương**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-SCT ngày 05/12/2011 của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định công tác phối hợp quản lý tài chính và tài sản công của ngành Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-STC ngày 12/12/2017 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-STC ngày 25/12/2017 của Sở Công Thương về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính – Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho Cơ quan Sở Công Thương (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính – Tổng hợp, Trưởng các phòng thuộc Sở Công Thương có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, KH.



Dương Minh Dũng

PHỤ LỤC

Đơn vị: Văn phòng Sở Công Thương

Chương: 416

(Kèm theo Quyết định số 307a /QĐ-SCT ngày 28/12/2017
của Sở Công Thương Đồng Nai)

Đơn vị: CƠ QUAN SỞ CÔNG THƯƠNG

Chương 416

(Đvt: đồng)

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2018	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2018
	A/ DỰ TOÁN THU NS	2.747.000.000		
	Thu phí	117.000.000		
	Thu lệ phí	130.000.000		
	Thu phạt điện lực	2.500.000.000		
	B/ DỰ TOÁN CHI NS	26.871.000.000	1.789.000.000	25.082.000.000
I	Kinh phí hoạt động thường xuyên (C416 – L340 – K341 - tự chủ)	8.886.000.000	352.000.000	8.534.000.000
	Chi con người	5.366.000.000	0	5.366.000.000
	Chi hoạt động (64 biên chế x 55 triệu/biên chế)	3.520.000.000	352.000.000	3.168.000.000
II	Kinh phí không thường xuyên (C416–L340–K341 - không tự chủ)	11.613.000.000	919.000.000	10.694.000.000
1	Triển khai Chương trình chuyển dịch cơ cấu trên địa bàn tỉnh; Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 định hướng 2030	795.000.000	80.000.000	715.000.000
2	Trang phục thanh tra	24.000.000	0	24.000.000
3	Kinh phí triển khai Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng VN" theo Kế hoạch số 8983/KH-UBND và triển khai Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tỉnh	260.000.000	40.000.000	220.000.000
4	Kinh phí học tập kinh nghiệm và xây dựng mô hình thí điểm "Doanh nghiệp-HTX-Nông dân" tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh	395.000.000	60.000.000	335.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2018	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2018
5	Kinh phí phổ biến & tổ chức tập huấn văn bản quy phạm pháp luật (Luật quản lý ngoại thương và Thông tư số 27)	153.000.000	0	153.000.000
6	Kinh phí vận chuyển bán hàng lưu động vùng sâu, vùng xa phục vụ Tết	807.000.000	0	807.000.000
7	Kinh phí tập huấn cho các đối tượng tại chợ (gồm tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý, kinh doanh và khai thác đối với cán bộ quản lý chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh; tập huấn kỹ năng kinh doanh tại chợ đầu mối; tập huấn đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh tại chợ cho hộ kinh doanh tham gia điểm kinh doanh an toàn thực phẩm)	307.000.000	0	307.000.000
8	Kinh phí tuyên truyền về an toàn thực phẩm của ngành công thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	50.000.000	0	50.000.000
9	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành công thương và kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ thuật kiểm nghiệm ngành các tiêu chí vi sinh và hóa học trong thực phẩm đối với công chức ngành công thương	1.551.000.000	170.000.000	1.381.000.000
10	Chương trình phát triển thương mại điện tử	412.000.000	41.000.000	371.000.000
11	Mua sắm trang thiết bị thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành công thương và xây dựng các điểm kinh doanh thực phẩm an toàn tại chợ	2.099.000.000	203.000.000	1.896.000.000
12	Kinh phí xây dựng Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, gà và trứng gia cầm	2.000.000.000	200.000.000	1.800.000.000
13	Nâng cấp website của sở	100.000.000	0	100.000.000
14	Kinh phí hỗ trợ xử phạt vi phạm hành chính về điện lực	1.000.000.000	100.000.000	900.000.000
15	Tuyên truyền giới thiệu về ngành Công thương và tỉnh Đồng Nai trên báo đài	915.000.000	0	915.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2018	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2018
16	Thăm dò lấy ý kiến dư luận xã hội về thủ tục hành chính ngành Công thương	50.000.000	0	50.000.000
17	Kinh phí in sổ tay về chính sách công nghiệp thương mại; hội nghị tổng kết công tác phối hợp chia sẻ dữ liệu thông tin Sở Công Thương, Cục Thống kê, Cục Hải quan; điều tra năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp	245.000.000	0	245.000.000
18	Kinh phí chỉnh lý hồ sơ lưu trữ tại cơ quan sở	200.000.000	0	200.000.000
19	Kinh phí triển khai công tác tuyên truyền tiết kiệm năng lượng hiệu quả	250.000.000	25.000.000	225.000.000
III	Chi sự nghiệp kinh tế	865.000.000	0	865.000.000
1	Kinh phí bản tin Thương mại và Công nghiệp (C416 – L280 – K338)	795.000.000	0	795.000.000
2	Chi phí quản lý, giám sát Chương trình, đề án khuyến công (C416 – L280 – K309)	70.000.000	0	70.000.000
IV	Sự nghiệp Bảo vệ môi trường (C416 – L250 – K278)	5.507.000.000	518.000.000	4.989.000.000
1	Kinh phí thực hiện Kế hoạch Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1.100.000.000	110.000.000	990.000.000
2	Kinh phí thực hiện đề án tập huấn, ứng phó sự cố hóa chất	700.000.000	70.000.000	630.000.000
3	Kinh phí thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển công nghệ xử lý chất màu hữu cơ trong nước thải bằng kỹ thuật plasma nguội kết hợp xúc tác oxi hóa	1.560.000.000	156.000.000	1.404.000.000
4	Kinh phí thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc hại	1.300.000.000	130.000.000	1.170.000.000
5	Kinh phí thực hiện Đề án công nghệ khoan - nổ bom mìn tại biên để đảm bảo ổn định bờ mỏ và tận thu tài nguyên khoáng sản cho các mỏ khai thác đá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	517.000.000	52.000.000	465.000.000

STT	Nội dung	Số đã bố trí dự toán 2018	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng 2018
6	Kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai vận hành và bảo trì cơ sở dữ liệu an toàn hóa chất	330.000.000	0	330.000.000

11